

Trao đổi ý kiến về:

Các vấn đề xã hội, Chính sách xã hội và Công tác xã hội

LTS: Chính sách xã hội và công bằng xã hội là một nội dung được quy định trong chương trình đào tạo Cao học Xã hội học, đang được giảng dạy cho lớp Cao học I và cao học II, tại cơ sở Đào tạo sau Đại học của Viện Xã hội học.

Sau khi giới thiệu về nội dung chương trình, giảng viên đã hướng dẫn các học viên cao học viết những tiểu luận ngắn về nội dung nói trên. Nhằm khuyến khích những tìm tòi và vận dụng kiến thức đã được học vào phân tích và nhận dạng những hiện tượng xã hội, bước đầu thể hiện những cố gắng tự khẳng định trong nghiên cứu Xã hội học của học viên cao học đang được đào tạo, tạp chí Xã hội học giới thiệu một số bài viết của các học viên do Ban giáo vụ của cơ sở đào tạo sau đại học của Viện Xã hội học gửi đến

TCXHH

HƯỚNG TÌM HIỂU CÔNG BẰNG XÃ HỘI QUA PHÂN PHỐI THU NHẬP

ĐỖ THIÊN KÍNH

Trong quá trình Đổi mới ở nước ta hiện nay, phân phối thu nhập càng ngày trở nên bất bình đẳng hơn (hệ số Gi-ni tăng dần). Hậu quả của phân phối thu nhập không bình đẳng này được biểu hiện rõ trong đời sống. Đó là sự chênh lệch giàu – nghèo giữa các tầng lớp dân cư và dẫn tới khác biệt xã hội về mức sống. Đây là một vấn đề thời sự đáng suy nghĩ. Từ thực trạng này, người thì cho rằng đó là *bất công* xã hội cần phải điều chỉnh; nhưng cũng có người cho rằng đó là sự *công bằng* trong cơ chế thị trường. Vậy, căn cứ vào cơ sở nào mà lại có những nhận định *trái ngược nhau* về cùng một thực trạng như thế?

Do đó, việc xem xét phân phối thu nhập hiện nay là *sự công bằng hay bất công* xã hội chính là vấn đề chúng ta cần nghiên cứu.

Việc nghiên cứu vấn đề này sẽ có vai trò thiết thực giúp chúng ta tiếp tục duy trì và điều chỉnh phân phối thu nhập theo cơ chế thị trường. Đồng thời, cũng góp phần vào việc đề ra những chính sách hợp lý nhằm đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

I. Về hai khái niệm CÔNG BẰNG và BÌNH ĐẲNG xã hội. Mối quan hệ giữa chúng.

Bản quyền thuộc Viện Xã hội học www.ios.org.vn

Trước tiên, cần phải tìm hiểu hai khái niệm *công bằng* và *bình đẳng xã hội*. Sau đó, xác định rõ ràng đường phân ranh giữa chúng sẽ cho ta những nội dung cụ thể để làm việc. Theo Từ điển tiếng Việt: *công bằng* là “theo đúng lẽ phải, không thiên vị”¹ (Ví dụ như: thầy giáo cho điểm công bằng, phân phối công bằng). Ở đây đã bao hàm ý cơ bản: *xứng đáng* ở mức nào thì được *đánh giá* ở mức ấy, *cống hiến* như thế nào thì được *hưởng thụ* như thế, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Theo Từ điển Xã hội học: “*Công bằng là sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ trong điều kiện mọi người có cơ may ngay nhau*”. (Tác giả nhấn mạnh)². Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam thì: “*Công bằng đòi hỏi sự tương xứng*” (Tác giả nhấn mạnh) giữa vai trò của những cá nhân (những giai cấp) với địa vị xã hội của họ, giữa hành vi với sự đền bù (lao động và thù lao, công và tội, thưởng và phạt) giữa quyền lợi với nghĩa vụ - không có sự tương xứng trong những quan hệ ấy là bất công”³

Còn *bình đẳng xã hội* là sự ngang bằng nhau giữa các thành viên trong xã hội, về *mọi phương diện*, thường gắn liền với *địa vị xã hội* của những lớp người⁴ (Tác giả nhấn mạnh). Cũng theo Từ điển tiếng Việt: *Bình đẳng* là “ngang bằng nhau về *địa vị và quyền lợi*”⁵ (Tác giả nhấn mạnh – ví dụ: bình đẳng trước pháp luật, nam nữ bình đẳng...) và từ điển Xã hội học: “Trên bình diện xã hội, khái niệm bình đẳng bao hàm nhiều lĩnh vực khác nhau: bình đẳng chính trị, bình đẳng kinh tế, bình đẳng chủng tộc và dân tộc, bình đẳng giới tính...”⁶. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “*bình đẳng (chính trị), được đối xử như về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa...không phân biệt thành phần kinh tế và địa vị xã hội, trong đó trước tiên và cơ bản nhất là bình đẳng trước pháp luật*”⁷

Căn cứ vào việc xác định hai khái niệm ở trên, thì *công bằng xã hội* thường gắn liền với lĩnh vực kinh tế, nó thể hiện mối *quan hệ tương xứng* giữa *cống hiến* và *hưởng thụ* (trong phân phối của cải). Như vậy, cách đặt vấn đề nghiên cứu công bằng xã hội qua phân phối thu nhập là cần thiết và hợp lý.

Còn *bình đẳng xã hội* thường gắn liền với nhiều lĩnh vực hơn (trong đó có lĩnh vực kinh tế) và đặc biệt là những lĩnh vực liên quan đến vấn đề chính trị - xã hội. Như vậy, công bằng xã hội là một nội dung cụ thể của bình đẳng xã hội. Thực hiện công bằng xã hội là thực hiện một phần nội dung của bình đẳng xã hội, là bước tiến trong quá trình thực hiện bình đẳng xã hội hoàn toàn.

¹ Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội – 1998, tr 277.

² Từ điển Xã hội học (Nguyễn Khắc Viện chủ biên), Nxb Thế giới, Hà Nội – 1994, tr 43 + 22

³ Dương Bá Phượng: *Tổng luận phát triển kinh tế và công bằng xã hội*, Hà Nội – 1995, tr 10 (Tài liệu lưu hành nội bộ của Viện Kinh tế học, Ký hiệu Va 842).

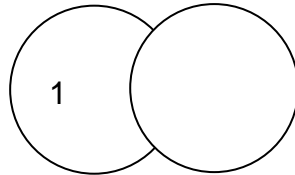
⁴ Xem chú thích 3

⁵ Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội – 1998, tr 84

⁶ Từ điển Xã hội học (Nguyễn Khắc Viện), Nxb Thế giới, Hà Nội – 1994, tr 22

⁷ Từ điển Bách khoa Việt Nam, Tập 1. Hà Nội – 1995, tr 232

Khi đã có hai khái niệm công bằng xã hội và bình đẳng xã hội, ta sẽ có tiếp hai khái niệm đối lập của chúng là bất công và bất bình đẳng xã hội. Hai cặp khái niệm: *công bằng xã hội* – *bất công* và *bình đẳng xã hội* – *bất bình đẳng* sẽ là một bộ khái niệm để chúng ta làm việc. Như thế, hai khái niệm công bằng và bình đẳng xã hội có những nội dung gần gũi nhau (thậm chí có chỗ đồng nhất) ở lĩnh vực kinh tế. Những lĩnh vực của khái niệm bình đẳng xã hội bao chứa lĩnh vực kinh tế của khái niệm công bằng xã hội không có nghĩa rằng khái niệm này cũng bao chứa lĩnh vực kinh tế của khái niệm công bằng xã hội không có nghĩa rằng khái niệm này cũng bao chứa khái niệm kia. Bởi vì có những nội dung cụ thể của lĩnh vực kinh tế sẽ nằm ngoài khái niệm bình đẳng xã hội, nhưng có thể lại nằm trong nội dung của khái niệm công bằng xã hội.



(1+4) = bình đẳng

(4+3) = công bằng

2 = bất công + bất bình đẳng

Do vậy, hai khái niệm công bằng và bình đẳng xã hội có sự giao nhau (xem hình vẽ). Mục tiêu của chúng ta là xây dựng một xã hội công bằng. Sau đó tiến tới thực hiện bình đẳng xã hội hoàn toàn (tức là một xã hội vừa công bằng, vừa bình đẳng – phần (4). *Thời bao cấp*, có lẽ xã hội ta tương ứng với phần 1 ở hình vẽ. Lúc ấy có bình đẳng ở trình độ sơ khai theo kiểu *cào bằng*, nhưng hoàn toàn không công bằng (bất công). Đa số dân cư trong cả nước sống trong tình trạng nghèo đói. Nhiều người lầm tưởng sự cào bằng này là công bằng. Thực ra, cào bằng là sự không công bằng lớn nhất. Trong từng nhóm dân cư (nhóm nông dân, nhóm cán bộ công nhân viên chức, nhóm có chức quyền...) sự cào bằng được thực hiện tương đối triệt để, dẫn đến việc ngộ nhận đó là sự công bằng. Nhưng nếu ta nhìn rộng ra một chút, so sánh các nhóm dân cư thì không phải như vậy. Sự cào bằng không có tác dụng làm giữa các nhóm dân cư với nhau. Nhóm nông dân thời bao cấp vẫn là khổ nhất. Mô hình cuộc sống vật chất của người cán bộ công nhân viên chức nhà nước và nhóm sĩ quan quân đội vẫn là ước mơ của bao thanh niên nông thôn muốn thoát khỏi lũy tre xanh bao bọc họ. *Thời kỳ đổi mới* hiện nay (sau năm 1980) xã hội ta tương ứng với phần 2 để tiến tới phần 3. Có nghĩa là, giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, xã hội vừa bất bình đẳng (về thu nhập) và vừa có lẽ cả bất công bằng về xã hội. Bởi vì sự bất bình đẳng ở đây chưa hoàn toàn do cơ chế thị trường quyết định,

mà còn do nhiều yếu tố của xã hội cũ gây ra: quyền lực, tham nhũng, thân quen... Giai đoạn tiếp theo của thời kỳ đổi mới sẽ tương ứng với phần 3. Khi ấy, dù vẫn có bất bình đẳng (về thu nhập) nhưng đã đạt được nhiều về công bằng xã hội.

Hiện nay, sự bất bình đẳng thể hiện cả trong từng nhóm dân cư. Trong các nhóm bắt đầu có sự phân hóa giàu – nghèo. Sự cào bằng trong từng nhóm dân cư thời bao cấp trước kia đang bị phủ định, thay vào đó là sự phân tầng về mức sống. Theo chúng tôi, đây chính là sự *công bằng* lớn hơn, có ý nghĩa hơn. So sánh thu nhập giữa các nhóm dân cư với nhau, tình hình cũng đang diễn ra đang ngược lại so với trước kia. Nhóm cán bộ công nhân viên chức nhà nước và sĩ quan quân đội không còn là định hướng giá trị cho nhóm thanh niên nông thôn. Chúng ta có thể so sánh như sau:

Thời bao cấp

Thời Đổi Mới

- Trong từng nhóm xã hội (nông dân, cán bộ công nhân viên chức...), thu nhập – mức sống của mọi người bị *cào bằng* gần như nhau. Điều này làm cho người ta lầm tưởng là công bằng. Nhưng đó lại là không công bằng lớn nhất.

- Trong mỗi nhóm xã hội bắt đầu có sự phân hóa giàu – nghèo, nguyên tắc phân phối dựa trên năng lực thị trường của từng người đang được thực hiện theo đúng nghĩa của nó. Đây là sự công bằng lớn hơn, có ý nghĩa hơn trước.

- Giữa các nhóm xã hội có khoảng cách phân lớp về mức sống. Rõ rệt nhất là giữa hai nhóm cơ bản: nông dân thường và cán bộ công nhân viên chức nhà nước. Sự không công bằng được nhìn thấy rõ ở đây.

- Sự phân lớp về thu nhập giữa hai nhóm cơ bản không lớn như trước nữa. Thay vào đó là sự phân lớp về mức sống giữa các nhóm xã hội khác (quyền chức, doanh nghiệp...) với nhóm nông dân đông đảo.

Điều mà chúng ta cần đạt tới mục tiêu cao cả là phần (4). Có nghĩa là vừa thực hiện được cả công bằng và bình đẳng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một xã hội lý tưởng mà loài người nhằm xây dựng trong tương lai.

II. Hướng tiếp cận nghiên cứu vấn đề

Trở lại khái niệm công bằng xã hội thể hiện mối quan hệ dựa trên nguyên tắc *phù hợp tương xứng* giữa **cống hiến** và **hưởng thụ** trong phân phối của cải. Nó tương tự như “đầu vào” sẽ quy định “đầu ra” của phần thu nhập mà anh ta được hưởng. Điều đó có nghĩa rằng thu nhập của anh ta (hoặc của hộ gia đình) sẽ do một nhóm những yếu tố “đầu vào” quyết định. Nhóm những yếu tố này bao gồm yếu tố tự nhiên, yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội và bản thân anh ta (cũng chính là “cống hiến” của anh ta) tạo thành. Nói tới một cái gì được gọi là công bằng hay không cũng đồng thời đã bao hàm so sánh với những cái khác ngoài nó. Còn nếu giới hạn trong một đơn vị nhất định (cộng đồng, nhóm xã hội, khu vực...) thì sẽ là so sánh giữa các

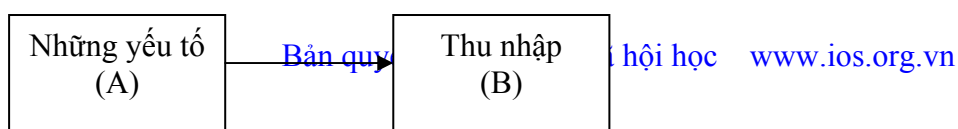
thành phần nội bộ với nhau. Do vậy, trước hết (giới hạn trong một đơn vị xác định) gọi là công bằng nếu giữa đầu vào (những yếu tố) và đầu ra (thu nhập – hưởng thụ) tuân theo nguyên tắc phù hợp tương xứng. Có nghĩa rằng: một lực lượng những yếu tố xác định chỉ có thể cho phép tạo ra cũng một lượng tương ứng xác định và được xã hội chấp nhận. Trong đó, yếu tố của bản thân anh ta (tức cống hiến) phải được chú trọng đặc biệt để thực hành nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít (phân phối theo lao động). Còn nhóm những yếu tố (tự nhiên, kinh tế, xã hội) cũng được xem xét thích hợp. Sau đó (trong nhiều đơn vị), gọi là công bằng nếu tập hợp những yếu tố đó cũng được đem ra so sánh giữa các đơn vị với nhau để cũng tạo ra những thu nhập tương ứng và cũng được xã hội chấp nhận. Phần phủ định của cả hai trường hợp (trước hết...và sau đó...) ở trên gọi là không công bằng (bất công).

Như vậy, ở phía “đầu ra” thu nhập có thể là bình đẳng (hoặc bất bình đẳng), nhưng nếu được thỏa mãn theo nguyên tắc *phù hợp tương xứng* (giữa cống hiến và hưởng thụ) với những yếu tố “đầu vào” thì xã hội là công bằng. Đồng thời, nhóm những yếu tố “đầu vào” này phải được so sánh tương ứng như nhau cũng với các yếu tố đầu vào của các đơn vị khác. Như thế, vấn đề “đầu ra” thu nhập bình đẳng hoặc bất bình đẳng không phải là cơ sở để xem xét xã hội công bằng hay không. Mà là ở những yếu tố “đầu vào” có được bình đẳng hay không? Nhóm những yếu tố “đầu vào” nếu được bình đẳng thì xã hội sẽ công bằng, còn lại là bất công. Vậy ta có bốn trường hợp thể hiện mối quan hệ giữa “đầu ra” (là hưởng thụ - thu nhập) và “đầu vào” (là cống hiến – tức nhóm những yếu tố) như sau:

- | | | |
|---|--------|---|
| 1- Thu nhập <i>bình đẳng</i> (có thể là cào bằng) | —————> | nhưng là <i>bất công</i> xã hội |
| 2- Thu nhập <i>bất bình đẳng</i> | —————> | cũng đồng thời là <i>bất công</i> xã hội. |
| 3- Thu nhập <i>bất bình đẳng</i> | —————> | nhưng lại là <i>công bằng</i> xã hội |
| 4- Thu nhập <i>bình đẳng</i> | —————> | đồng thời là <i>công bằng</i> xã hội |

Bốn trường hợp trên là sự thể hiện trong thực tiễn cuộc sống về mối quan hệ giữa hai khái niệm *bình đẳng* và *công bằng* xã hội ở 4 phần trong hình vẽ đã minh họa. Thực tiễn cuộc sống đất nước ta đã trải qua trường hợp (1), đang ở trường hợp (2) để tiến tới trường hợp (3) và mục tiêu cuối cùng là đạt được trường hợp (4) một xã hội lý tưởng của loài người.

Chúng tôi đưa ra một cách đại thể khung lý thuyết về những yếu tố (chính sách vĩ mô, tài sản và tiền vốn, nghề nghiệp, địa vị xã hội, khu vực cư trú, mặt bằng xã hội, mặt bằng tự nhiên, trình độ văn hóa...) quyết định đến sự phân phối thu nhập cho các thành viên trong cộng đồng theo cơ chế thị trường:



Trong nhóm những yếu tố sơ bộ kể trên, chúng đều thuộc nhiều về lĩnh vực của khoa học kinh tế và xã hội học. Do vậy, ở đây cần phải có cách tiếp cận *liên ngành và đa ngành* trong vấn đề nghiên cứu. Tất nhiên, dưới góc độ nghiên cứu của khoa học nào thì khoa học đó được nổi trội, nhưng không thể loại trừ khoa học kia. Đó là cách nhìn toàn diện vấn đề.

Thực trạng hiện nay là phân phối không đồng đều (bất bình đẳng). Sự phân phối này do những yếu tố trên quyết định. Vậy, có khả năng là những yếu tố (A) vốn đã không bình đẳng, không công bằng do xã hội mang lại cho các thành viên mà gây nên sự phân phối thu nhập (B) cũng bất bình đẳng tương ứng. Nếu như vậy thì phân phối thu nhập bất bình đẳng hiện nay là không công bằng xã hội và chúng ta cần phải có những chính sách điều chỉnh nó. Hơn nữa, nếu những yếu tố (A) vốn đã bất bình đẳng ít mà lại gây ra sự phân phối (B) bất bình đẳng nhiều thì không công bằng xã hội ở đây lại càng lớn và chúng ta càng cần phải điều chỉnh.

Cũng có khả năng thứ hai là những yếu tố (A) do xã hội mang lại cho các thành viên đã công bằng và bình đẳng và gây nên sự phân phối thu nhập (B) bất bình đẳng hiện nay. Nếu như thế thì đây vẫn là công bằng xã hội và chúng ta không có gì phải lo lắng đến nó. Nhưng bất bình đẳng về thu nhập đến độ nào là vừa phải. Đây là *điểm nút* để chúng ta nhận biết đã bắt đầu có sự không công bằng xã hội từ phía yếu tố (A) để chúng ta cần điều chỉnh. Về lý thuyết, bất bình đẳng thu nhập phát triển tới độ bắt đầu vi phạm nguyên tắc phù hợp tương xứng (giữa cống hiến và hưởng thụ) thì đó chính là điểm nút chuyển sang bất công xã hội (phần 2 trong hình vẽ). Chẳng những thế, mà cả bình đẳng về thu nhập cũng vi phạm nguyên tắc đó (phần 1). Hai phần 1 + 2 đều thuộc phạm vi của bất công xã hội. Và điểm nút giữa công bằng và bất công xã hội chính là đường tròn của phần 3 + 4.

Như vậy, vấn đề tìm hiểu công bằng xã hội ở đây không phải ở chỗ xem xét thu nhập (B) có được bình đẳng hay là bất bình đẳng. Mà là ở chỗ những yếu tố (A) gây ra sự thu nhập này có được *bình đẳng* và *công bằng* hay không? Thu nhập (B) chỉ là hiện tượng để ta tìm hiểu cái sâu xa hơn. Bởi vì có khi thu nhập được phân phối rất bình đẳng (kiều cào bằng thời bao cấp) nhưng lại là không công bằng, thậm chí là quá bất công (vì người là nhiều cũng được hưởng như người làm ít). Nhưng lại có thể có phân phối thu nhập không bình đẳng, nhưng đó lại là công bằng xã hội. Vì như thế mới thực hiện được sự phân phối hợp lý theo sức lao động bỏ ra trong cơ chế thị trường.

Từ những điều trên, khi xem xét thực trạng về phân phối thu nhập bất bình đẳng ở nước ta trong quá trình đổi mới hiện nay, có lẽ chúng ta nên chọn *khả năng thứ nhất* làm giả thuyết nghiên cứu. *Nghĩa là*: thu nhập (B) bất bình đẳng hiện nay là sự bất công xã hội do chính

những yếu tố (A) không công bằng gây nên. Từ đây chúng ta cụ thể hóa (thao tác hóa) những yếu tố (A) là gì và cụ thể tiếp nhiều cấp độ của yếu tố (A) để tìm hiểu sự công bằng xã hội ở chính chỗ này. Đó mới là bản chất của vấn đề và cũng chính là *hướng tiếp cận nghiên cứu* mà chúng tôi muốn đặt ra để tìm hiểu trong bài viết này.

Từ dẫn luận lý thuyết ở trên, chúng tôi hy vọng sẽ được tiếp tục triển khai hướng tiếp cận nghiên cứu này trong những bài viết tiếp theo sau trên tạp chí, để nhằm tìm hiểu một vấn đề đặt ra bức xúc ở nước ta hiện nay.